DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 3364 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *04* ***tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng thí nghiệm trung tâm**
Laboratory:	***Central Laboratory***
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	**Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc**
Organization:	***Northern Mountainous Agriculture and Forestry Science Institute***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 654**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa**
Field:	***Chemical***
Người quản lý:	**Cao Hoàng**
Laboratory manager:	***Cao Hoang***
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** *04* **/11/2026 đến ngày** *03* **/11/2031**
Địa chỉ: *Address*:	**Khu 9, phường Phong Châu, tỉnh Phú Thọ** ***Quarter 9, Phong Chau Ward, Phu Tho Province***
Địa điểm: *Location:*	**Khu 9, phường Phong Châu, tỉnh Phú Thọ** ***Quarter 9, Phong Chau Ward, Phu Tho Province***
Điện thoại/ *Tel*:	**0912057301**
Email:	**hoangcaold0008@gmail.com**

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: ***Chemical***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Đất** ***Soil***	Xác định độ pH_{KCl} *Determination of pH_{KCl}*	(2 ~ 9)	TCVN 5979:2021 (ISO 10390:2021)
2.		Xác định hàm lượng Nitơ tổng số Phương pháp Kjeldahl cải biên. *Determination of total nitrogen content Modified Kjeldahl method.*	0,1 %	TCVN 6498:1999 (ISO 11261:1995)
3.		Xác định hàm lượng Photpho tổng số Phương pháp UV-Vis *Determination of total Phosphorus content UV-Vis method*	0,05 %	TCVN 8940:2011
4.		Xác định hàm lượng Kali tổng số. Phương pháp quang kế ngọn lửa *Determination of total Potassium content Flame photometric method*	0,3 %	TCVN 8660:2011
5.		Xác định hàm lượng Chì Chiết đất bằng cường thủy và phân tích bằng F-AAS *Determination of Lead content Aqua regia extract of soil and analyse by F- AAS method*	1,2 mg/kg	TCVN 6649:2000 (chiết/*extract*) TCVN 6496:2009 (phân tích/*analyse*)
6.		Xác định hàm lượng Kẽm Chiết đất bằng cường thủy và phân tích bằng F-AAS *Determination of Zinc content Aqua regia extract of soil and analyse by AAS method*	1,0 mg/kg	TCVN 6649:2000 (chiết/*extract*) TCVN 6496:2009 (phân tích/*analyse*)
7.		Xác định hàm lượng Đồng Chiết đất bằng cường thủy và phân tích bằng F-AAS *Determination of Copper content Aqua regia extract of soil and analyse by F-AAS method*	0,5 mg/kg	TCVN 6649:2000 (chiết/*extract*) TCVN 6496:2009 (phân tích/*analyse*)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
8.	**Ngũ cốc và đậu đỗ** ***Cereal and pulses***	Xác định hàm lượng Nitơ và tính hàm lượng Protein thô Phương pháp Kjeldahl. *Determination of Nitrogen content and calculation of the crude Protein content* *Kjeldahl method*	0,3 %	TCVN 8125:2015 (ISO 20483:2013)

Ghi chú/ *Note:*

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/*Vietnamese Standard*

Trường hợp Viện KHKT Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện KHKT Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Northern Mountainous Agriculture and Forestry Science Intitute that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*